| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHƯỚC**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **01**/2022/DS-ST
Ngày 05-01-2022
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thạch Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Văn Bằng.

2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Vào ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về *"tranh hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*:

- Ông **Huỳnh V. H**, sinh năm 1963;

- Anh **Huỳnh D. K**, sinh năm 1995.

Cùng cư trú: Ấp HQ, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*Ông Huỳnh V. H ủy quyền cho anh Huỳnh D. K tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền số 1222, quyển số 2/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/5/2021 lập tại Văn phòng công chứng Tân Phước.*

*2.Bị đơn*:

- Anh **Võ Văn C. E**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Nguyễn Thị K. H1**, sinh năm 1980;

- Chị **Võ Thị C. T**, sinh năm 1999.

Cùng cư trú: Ấp HĐ, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*(Anh D. K có mặt tại phiên tòa; Anh C. E, chị K. H1, chị C. T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K trình bày:**

Vào ngày 23/8/2017, chị Nguyễn Thị K. H1 và con là Võ Thị C. T đến nhà bà Phạm T. H2 (bà H2 đã chết) để hỏi mượn số tiền 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) để anh Võ Văn C. E mua Kobe và đóng phà sắt, hẹn đến ngày 23/9/2017 sẽ trả lại. Để đảm bảo cho việc mượn tiền, chị Nguyễn Thị K. H1 đã giao cho bà Phạm T. H2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011 cho anh Võ Văn C. E đối với thửa đất số 1120, tờ bản đồ HDC3, diện tích 300m$^2$. Khi mượn tiền có làm biên nhận do bà Phạm T. H2 viết, chị Nguyễn Thị K. H1, chị Võ Thị C. T và anh Võ Văn C. E có ký tên vào biên nhận vay, mượn tiền ngày 23/8/2017. Sau khi đến thời hạn trả nợ, bà Phạm T. H2 có nhiều lần yêu cầu anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T trả nợ nhưng không chịu trả. Đến ngày 26/7/2020, bà Phạm T. H1 bị tai nạn giao thông chết. Nay yêu cầu Tòa án buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả lại số tiền nợ gốc là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 23/8/2017 đến ngày Tòa án xét xử tạm tính là: 287.000.000 đồng x 1,5% x 44 tháng = 208.362.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 495.362.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Bị đơn anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Anh K là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Hg yêu

cầu Tòa án buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả lại số tiền nợ gốc là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi chậm trả nợ từ ngày 24/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K yêu cầu Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả lại số tiền nợ tổng cộng nợ gốc và lãi là 495.362.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng); Anh E có nơi cư trú tại Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và chị K. H1, chị T có nơi cư trú tại ấp HĐ, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quyền khởi kiện:* Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, vào ngày 23/8/2017, bà Phạm T. H2 có cho anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T vay số tiền 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng). Đến ngày 27/6/2020, bà Phạm T. H2 bị tai nạn giao thông chết. Tại "Tờ khai cam kết thừa kế" ngày 12/3/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H xác định hàng thừa kế của bà H2 chỉ có ông H và anh K nên Hội đồng xét xử xác định ông H và anh K có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên toà hôm nay, bị đơn là anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh E, chị H1 và chị T.

[4]. *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông H và anh K yêu cầu: buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả lại số tiền nợ gốc là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) và tiền

lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 23/8/2017 đến ngày Tòa án xét xử tạm tính là: 287.000.000 đồng x 1,5% x 44 tháng = 208.362.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 495.362.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh K là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu Tòa án buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả lại số tiền nợ gốc là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi chậm trả nợ từ ngày 24/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh K.

[5]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa, anh Huỳnh D. K là nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh V. H yêu cầu anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả lại số tiền nợ gốc là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi chậm trả nợ từ ngày 24/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

Do có quen biết nên vào ngày 23/8/2017, bà Phạm T. H2 có cho chị Nguyễn Thị K. H1, anh Võ Văn C. E và chị Võ Thị C. T mượn số tiền 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) anh Võ Văn C. E mua Kobe và đóng phà sắt, hẹn đến ngày 23/9/2017 sẽ trả lại. Để đảm bảo cho việc mượn tiền, chị K. H1 đã giao cho bà Phạm T. H2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011 cho anh Võ Văn C. E đối với thửa đất số 1120, tờ bản đồ HDC3, diện tích 300m$^2$. Khi mượn tiền có làm biên nhận do bà Phạm T. H2 viết, chị Nguyễn Thị K. H1, chị Võ Thị C. T và anh Võ Văn C. E có ký tên vào biên nhận vay, mượn tiền ngày 23/8/2017. Đến ngày 23/9/2017 là thời hạn trả nợ nhưng anh E, chị K. H1 và chị T không trả khoản nợ gốc và lãi cho bà Phạm T. H2. Đến ngày 26/7/2020, bà Phạm T. H2 bị tai nạn giao thông qua đời. Ông H và anh K có nhiều lần đề nghị anh E chị K. H2 và chị T trả nợ nhưng bị đơn không chịu trả nợ.

[5.1]. *Về đánh giá chứng cứ:* Ông H và anh K khởi kiện anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T trả nợ tiền gốc và lãi do chậm trả nợ.

Ông H và anh K có giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện là bản chính giấy "Biên nhận vay mượn tiền" ngày 23/8/2017 do Anh E chị K. H1 và chị T ký tên nhận nợ, ngoài ra ông H, anh K còn giao nộp cho Tòa án bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011 cho anh Võ Văn C. E đối với thửa đất số 1120, tờ bản đồ HDC3, diện tích 300m$^2$. Do đó ông H, anh K đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Trong vụ án này anh E chị K. H1 và chị T không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và anh K. Bị đơn anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng đã Thông báo cho anh E, chị K. H1 và chị T biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bị đơn cũng tiếp tục không có ý kiến, như vậy là anh E, chị K. H1 và chị T biết được việc ông H và anh K khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn và lãi nhưng anh E, chị K. H1 và chị T vẫn mặc nhận nợ.

Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay, mượn tài sản giữa bà Phạm T. H2 và anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn cho rằng từ khi mượn tiền đến nay bị đơn không thực hiện việc trả tiền. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như "Giấy biên nhận vay mượn tiền" ngày 23/8/2017 do anh E, chị K. H1 và chị T ký tên, nên có căn cứ xác định anh E, chị K. H1 và chị T có mượn của bà Phạm T. H2 số tiền 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) đến nay chưa trả như ông H, anh K đã xác định là đúng. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải trả cho ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K số tiền nợ là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[5.2]. *Về nghĩa vụ trả nợ:* Xét thấy anh Võ Văn C. E và chị Nguyễn Thị K. H1 là vợ chồng, tại thời điểm diễn ra giao dịch vay tài sản giữa bà Phạm T. H2 và anh E, chị K. H1 và chị T thì anh Võ Văn C. E và chị Nguyễn Thị K. H1 vẫn là vợ chồng hợp pháp và chưa có ly hôn; Chị T là con ruột của anh E và chị K. H1 cùng ký tên vào giấy nhận nợ. Anh Võ Văn C. E và chị Nguyễn Thị K. H1 chỉ được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 21/5/2021. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 thì thể hiện về tài sản chung chị K. H1 và anh E tự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận; về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Như vậy anh chị xác định có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Võ Văn C. E,

chị Nguyễn Thị K.H1 và chị Võ Thị C. T cũng cùng ký tên vào Biên nhận vay mượn tiền cho bà Phạm T. H2 vào ngày 23/8/2017. Căn cứ điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc bị đơn vay mượn tiền là cũng nhằm giải quyết cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, việc này anh E, chị K. H1 và chị T có biết vì cùng ký tên vào giấy vay mượn tiền và nguyên đơn cũng đã đòi nợ nhiều lần. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3]. *Về yêu cầu tính lãi:* Tại phiên tòa hôm nay anh K yêu cầu anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải trả lãi do chậm trả nợ trên số tiền nợ là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng) kể từ ngày 24/9/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà pháp luật quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, khi thực hiện hợp đồng vay, các bên không thỏa thuận về lãi suất vay, thời hạn trả nợ là ngày 23/9/2017. Tuy nhiên sau khi vay cho đến nay anh E, chị K. H1 và chị T không trả nợ cho nguyên đơn như thời hạn đã thỏa thuận là ngày 23/9/2017 nên nguyên đơn yêu cầu anh E, chị K. H1 và chị T phải có nghĩa vụ trả lãi do chậm trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm trả nợ kể từ ngày 24/9/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà pháp luật quy định là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do khi vay, mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, nên áp dụng mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất sẽ là 0,83%/tháng. Thời gian anh E, chị K. H1 và chị T chậm trả tiền từ ngày 24/9/2017 đến nay là 51 (năm mươi mốt) tháng 12 (mười hai) ngày, được làm tròn là 51,5 (năm mươi mốt phẩy năm) tháng, số tiền lãi do chậm trả được tính như sau: 287.000.000 đồng x 0,83% x 51,5 tháng = 122.678.150 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng vốn và lãi là: 287.000.00 đồng + 122.678.150 đồng = **409.678.150 đồng** (Bốn trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng).

[5.3]. *Về phương thức trả nợ:* Tại phiên tòa hôm nay anh Kg yêu cầu anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải trả số tiền vốn và lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh E, chị K. H1 và chị T đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn đã yêu cầu anh E, chị K. H1 và chị T trả nợ nhiều lần nhưng anh E, chị K. H1 và chị T vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K số tiền vốn và lãi tổng cộng **409.678.150 đồng** (Bốn trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng) theo thời gian yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

*[5.4]. Về việc giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:* Theo nội dung "Biên

nhận vay mượn tiền" ngày 23/8/2017, khi hỏi mượn tiền, phía bị đơn có thế chấp cho bà Phạm T. H2 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011 cho anh Võ Văn C. E đối với thửa đất số 1120, tờ bản đồ HDC3, diện tích 300m$^2$, đất tọa lạc tại ấp GĐ, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tại phiên tòa hôm nay, anh K thừa nhận nguyên đơn có giữ của phía bị đơn một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, tuy nhiên việc giữ giấy đất này là do các bên muốn có điều kiện để làm tin cho việc mượn tiền và trả tiền chứ không phải thế chấp, đảm bảo cho khoản vay, mượn gì. Tại phiên tòa hôm nay, anh Kg tự nguyện giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011 cho anh Võ Văn C. E đối với thửa đất số 1120, tờ bản đồ HDC3, diện tích 300m$^2$, đất tọa lạc tại ấp HĐ, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho phía bị đơn sau khi án có hiệu lực pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. *Về án phí:* Anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H và chị Võ Thị C. T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 20.387.126 đồng (Hai mươi triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn một trăm hai mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho ông Huỳnh V. H, anh Huỳnh D. K tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:**

- Các Điều 288, 351, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 186, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K.

- Buộc anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải liên đới trả cho ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là **409.678.150 đồng** (Bốn trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn

một trăm năm mươi đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K tự nguyện giao trả một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00371 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011 cho anh Võ Văn C. E đối với thửa đất số 1120, tờ bản đồ HDC3, diện tích 300m$^2$, đất tọa lạc tại ấp HĐ, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

**2.** Về án phí:

- Anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T phải chịu **20.387.126** đồng (Hai mươi triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **11.097.000** (Mười một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 21013 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

**3.** Về quyền kháng cáo: ông Huỳnh V. H và anh Huỳnh D. K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Anh Võ Văn C. E, chị Nguyễn Thị K. H1 và chị Võ Thị C. T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:

+ NĐ: H, K;
+ BĐ: E, H1, T.

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**Thạch Hải Âu**